



TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

BẢN TIN THÁNG 01/2023

HỒI PHỤC TÍCH CỰC

ĐIỂM NHẤN THÁNG 12/2022

- **Kinh tế thế giới đối diện nguy cơ suy thoái.** Theo IMF, tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ chậm lại từ 6,0% năm 2021 xuống 3,2% năm 2022 và 2,7% năm 2023. Đây là mức tăng trưởng yếu nhất kể từ năm 2001, ngoại trừ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và giai đoạn cấp bách của đại dịch COVID-19. [\(trang 7\)](#).
- **Theo kịch bản trên, lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ đạt 8.9% vào năm 2022 và sau đó giảm xuống 6.2% vào năm 2023** [\(trang 7\)](#).
- **Dự kiến NHTW các nước tiếp tục duy trì xu hướng lãi suất ở mức cao trong năm 2023** [\(trang 8\)](#).
- **Số liệu vĩ mô cả năm 2022 tích cực:** Tăng trưởng GDP ước đạt 8,02% cao kỷ lục trong vòng một thập kỷ qua, CPI ở mức thấp (bình quân 3,15%), xuất khẩu đạt kỷ lục (xuất siêu 11,2 tỷ USD), tổng mức bán lẻ hàng hóa tiếp tục tăng, tín dụng ước tăng khoảng 14,5%, thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định (VND mất giá 3.5%), mặt bằng lãi suất tăng khoảng gần 1%/năm (là mức biến động thấp hơn nhiều so với các nước trên thế giới và khu vực), thanh khoản hệ thống cơ bản được đảm bảo...
- Tuy nhiên kết quả Q4/2022 cho thấy sự giảm tốc tăng trưởng đặc biệt **sản xuất công nghiệp chứng lại rõ rệt**, cảnh báo suy thoái ngành sản xuất có thể tiếp tục kéo dài sang năm 2023. Tiến độ giải ngân đầu tư công chậm chạp [\(trang 10-16\)](#).
- **VNIndex tăng hưng phấn trong suốt tuần đầu của tháng 12 và đuối sức dần trong giai đoạn còn lại.** Phần lớn thời gian VNIndex giao dịch trong vùng 1020 – 1050, tuy có một số phiên điều chỉnh nhưng được hỗ trợ tích cực bởi vùng 980 – 1000. Thanh khoản được cải thiện so với mức nền thấp của các tháng trước đó [\(trang 18\)](#).
- **NĐT nước ngoài tiếp tục mua ròng mạnh** với giá trị mua ròng tháng 12 đạt 12.833 tỷ đồng. **NĐT nước ngoài trong tháng 12 tập trung mua mạnh vào nhóm các cổ phiếu trụ** như VNM, MSN, VCB, CTG, chứng chỉ quỹ FUEFVND, các mã mipcáp như DGC, FRT, DPM, DCM, NLG... với tổng giá trị mua ròng 10 mã đạt hơn 3 nghìn tỷ VND [\(trang 22\)](#).



TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 1/2023

Dựa trên các yếu tố vĩ mô và dòng tiền ([trang 24](#)) chúng tôi kỳ vọng VNIndex tăng điểm hướng tới các vùng điểm số 1080-1100 và xa hơn là 1143-1160 trong tháng đầu năm 2023.

Chiến lược đầu tư:

Chúng tôi khuyến nghị NĐT mua cổ phiếu tại vùng VNIndex quanh 1000 điểm. Các vùng điểm số cần lưu ý như sau:

- **Vùng 1:** Khi VNIndex tiệm cận vùng 1100đ sẽ có rung lắc, đây là cơ hội nhà đầu tư đảo hàng.
- **Vùng 2:** Khi VNIndex tiệm cận vùng giá 1143-1160đ, đây là vùng giá NĐT nên bán chốt lời.
- **Vùng 3:** Trường hợp đặc biệt, dự kiến sau tết âm lịch VNIndex được kéo mạnh lên 1205-1215, đây là vùng rủi ro rất cao.

Về triển vọng nhóm ngành, chúng tôi đánh giá cao các ngành sau:

- Hưởng lợi từ đầu tư công: Các doanh nghiệp **Xây dựng hạ tầng** và **Vật liệu xây dựng** tham gia dự án Sân bay Long Thành và 12 dự án cao tốc Bắc - Nam.
- Hưởng lợi từ các dự án dầu khí và giá dầu ở mức cao: Ngành **Dầu khí**
- Hưởng lợi từ việc Trung Quốc mở cửa: Các doanh nghiệp ngành **Thủy sản** và **Cao su thiên nhiên** có khả năng gia tăng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và hưởng lợi từ xu hướng tăng giá hàng hóa.
- Hưởng lợi từ việc giá nguyên vật liệu tăng: Ngành **Thép**.
- Hưởng lợi từ thanh khoản thị trường cải thiện: Ngành **Ngân hàng** và **Chứng khoán** hưởng lợi từ thanh khoản thị trường hồi phục.
- Hưởng lợi từ Quy hoạch điện VIII và điều kiện thời tiết: Ngành **Nhiệt điện, Xây lắp điện**.
- Các ngành phòng thủ: Ngành **Sữa, Công nghệ thông tin**.

RỦI RO HIỆN HỮU

- **Lạm phát trong nước đã bắt đầu cao hơn, con số 2 tháng gần nhất cho thấy lạm phát so với cùng kỳ đã tăng trên 4.0%.** Lạm phát năm 2023 được dự báo sẽ không giữ được ở mức 4% do các yếu tố chi phí đầu vào của doanh nghiệp đang ở mức cao (lãi suất, xăng dầu, điện...) và một số mặt hàng có thể được điều chỉnh tăng giá trong 2023 như điện, giáo dục, y tế... .
- Lạm phát cao cộng hưởng với triển vọng các nền kinh tế lớn tăng trưởng chậm lại sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong Q4/2022 và cả năm 2023.
- **Lượng trái phiếu doanh nghiệp đến hạn** cao dần về cuối năm 2022 và ước khoảng 309 ngàn tỷ đồng năm 2023 có thể tiếp tục gây áp lực lên thanh khoản hệ thống ngân hàng và mặt bằng lãi suất.



MỤC LỤC

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI	6
TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM	9
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	17
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ	26



Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS invest



Tham gia room tư vấn miễn phí trên Zalo của ABS



TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI



Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS invest

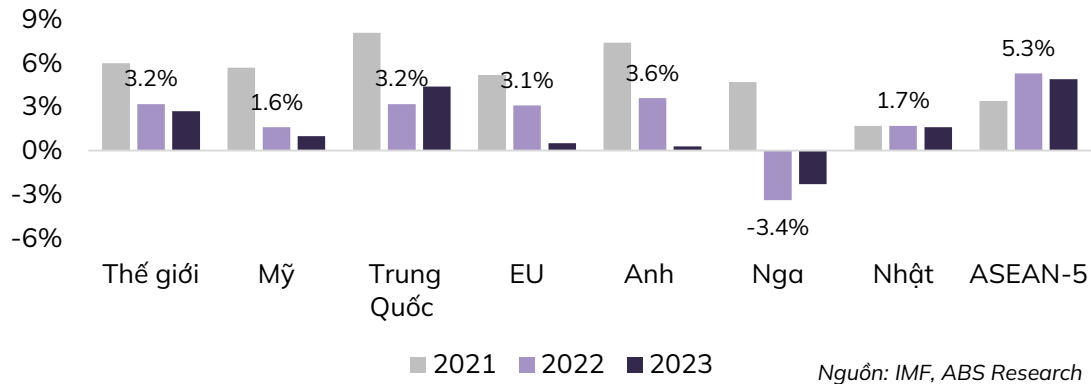


Tham gia room tư vấn miễn phí trên Zalo của ABS



➤ Tăng trưởng kinh tế được dự báo sẽ chậm lại trên toàn cầu

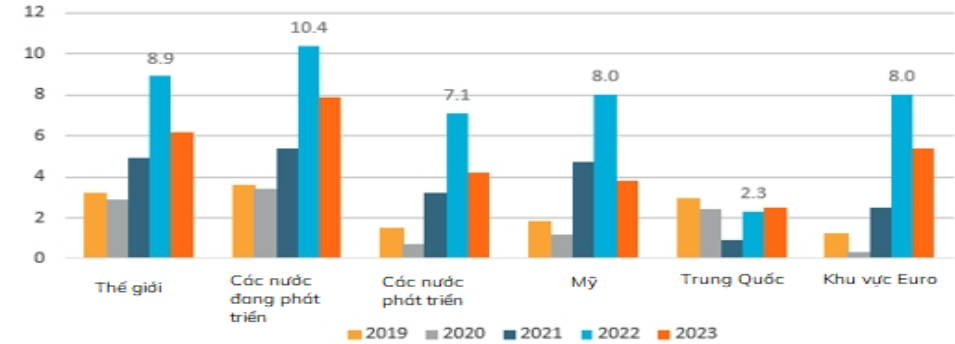
Dự phóng tốc độ tăng GDP thực một số khu vực



Năm 2022 khép lại trong bối cảnh ảm đạm bao trùm nền kinh tế toàn cầu. Hai cú sốc diễn ra đã giáng một đòn lớn lên các quốc gia. Trong khi lệnh phong tỏa do COVID-19 ở Trung Quốc đại lục bất ngờ được nới lỏng, bãi bỏ từ 8/1/2023 thì cuộc xung đột giữa Nga – Ukraine vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

- Theo IMF, tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ chậm lại từ 6,0% năm 2021 xuống 3,2% năm 2022 và 2,7% năm 2023. Đây là mức tăng trưởng yếu nhất kể từ năm 2001, ngoại trừ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và giai đoạn cấp bách của đại dịch COVID-19.
- Trung Quốc được đánh giá là có xu hướng tăng trưởng hình chữ V từ quý 3/2022 và việc nới lỏng, bãi bỏ quy định phong tỏa Covid sẽ thúc đẩy hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ trên khắp thế giới, góp phần giảm bớt căng thẳng chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Bên cạnh đó, khu vực ASEAN 5 (bao gồm Việt Nam) được triển vọng sáng khi tiếp tục tăng trưởng 5,3% trong năm 2022 tuy có thể chậm lại vào năm 2023 do những ảnh hưởng từ xu hướng chung toàn cầu.

Dự báo cơ sở lạm phát 2019 – 2023 (%)



Nguồn: Euromonitor International Macro Model
Ghi chú: Dữ liệu từ 2022 trở đi là kết quả dự báo, cập nhật đến ngày 15 tháng 11

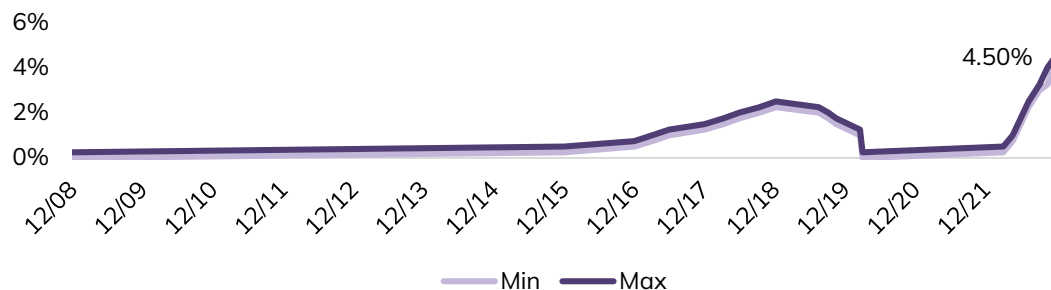


Theo kịch bản trên, lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ đạt 8,9% vào năm 2022 và sau đó giảm xuống 6,2% vào năm 2023. Tăng trưởng kinh tế chậm lại kéo theo quy mô sản xuất giảm, giá cả hàng hóa bình ổn và những cải thiện trong chuỗi cung ứng toàn cầu đang giúp hạn chế tăng trưởng lạm phát.

- Khu vực các nước đang phát triển được dự báo sẽ gánh chịu mức lạm phát cao nhất lên đến 10,4% trong năm 2022 do ảnh hưởng từ giá cả hàng hóa tăng cao, tình hình xuất – nhập khẩu đình trệ do tình trạng sụt giảm kinh tế ở các nước lớn.
- Lạm phát ở Mỹ được dự đoán sẽ đạt 8,0% vào năm 2022 và giảm xuống 3,8% vào năm 2023. Tỷ lệ lạm phát đang chững lại sau khi áp lực giá cả hàng hóa đang dần giảm bớt tuy nhiên chi phí sử dụng dịch vụ tại nước này vẫn tăng cao đáng kể, đặc biệt là giá nhà ở.
- Trung Quốc ở chiều ngược lại với những chính sách ổn định giá hàng hóa và năng lượng, phục hồi chuỗi cung ứng và tăng trưởng tiêu dùng nội địa yếu hơn ở Trung Quốc đã giúp hạn chế lạm phát. Tuy nhiên, nếu nhu cầu tăng đột ngột do việc bãi bỏ giãn cách xã hội có thể khiến tốc độ tăng lạm phát diễn ra nhanh hơn.

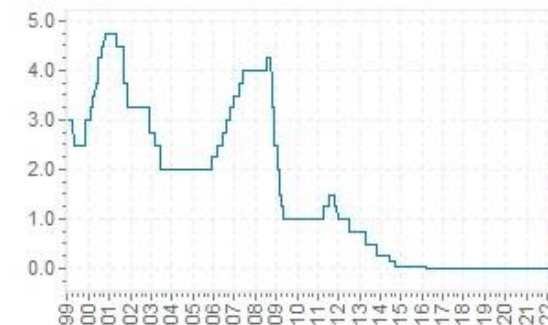
• Các NHTW tiếp tục duy trì xu hướng lãi suất ở mức cao trong năm 2023

Quá trình tăng lãi suất FED

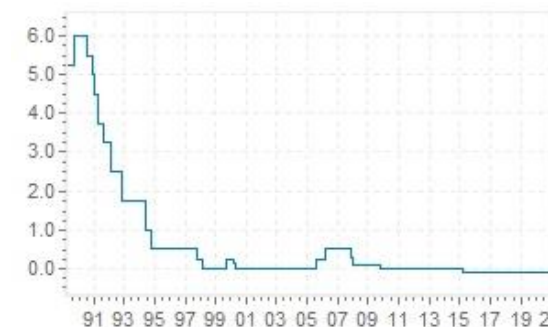


Nguồn: FED, ABS Research

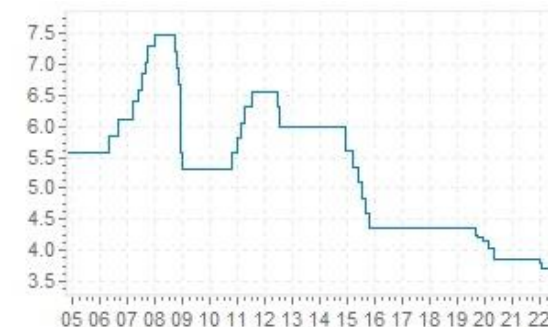
Quá trình tăng lãi suất của NHTW châu Âu (ECB)



Quá trình tăng lãi suất của NHTW Nhật Bản (BOJ)



Quá trình tăng lãi suất của NHTW Trung Quốc (PBC)



Nguồn: Global-rates.com, ABS Research

Trọng tâm chính sách tiền tệ các quốc gia lớn trong năm 2023 vẫn sẽ là công cụ lãi suất để nhằm kìm hãm đà tăng phi mã của lạm phát.

- Kết thúc năm 2022, lãi suất của FED hiện đang neo ở mức 4,25% - 4,5%. Chúng tôi kỳ vọng rằng FED sẽ còn 2 lần tăng 25 điểm cơ bản vào tháng 2 và tháng 3 để duy trì mức lãi suất dao động ở khoảng 4,75% - 5,00% cho cả năm 2023 hoặc cho đến khi lạm phát đạt tới mức mục tiêu 2% của FED.
- Tương tự với khu vực châu Âu, ECB cũng sẽ tiếp tục lộ trình tăng lãi suất đáng kể cho tới khi tình hình lạm phát trở lại ngưỡng an toàn vào năm 2024.
- Ở châu Á, Nhật Bản là một trong những quốc gia hiếm hoi kiên quyết duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng. Hiện lãi suất ngắn hạn tại Nhật Bản được duy trì ở mức -0,1%, còn lãi suất dài hạn được duy trì ở mức 0%. Chính sách này sẽ tiếp tục duy trì cho đến khi tạo ra được chu kỳ tăng tăng trưởng ổn định cho nền kinh tế.
- NHTW Trung Quốc đã thực hiện chính sách tiền tệ cẩn trọng từ khi thực hiện phong tỏa và sẽ tiếp tục nới lỏng để hỗ trợ cho sự ổn định kinh tế vĩ mô, mà còn góp phần duy trì sự ổn định cơ bản của giá cả.



TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM



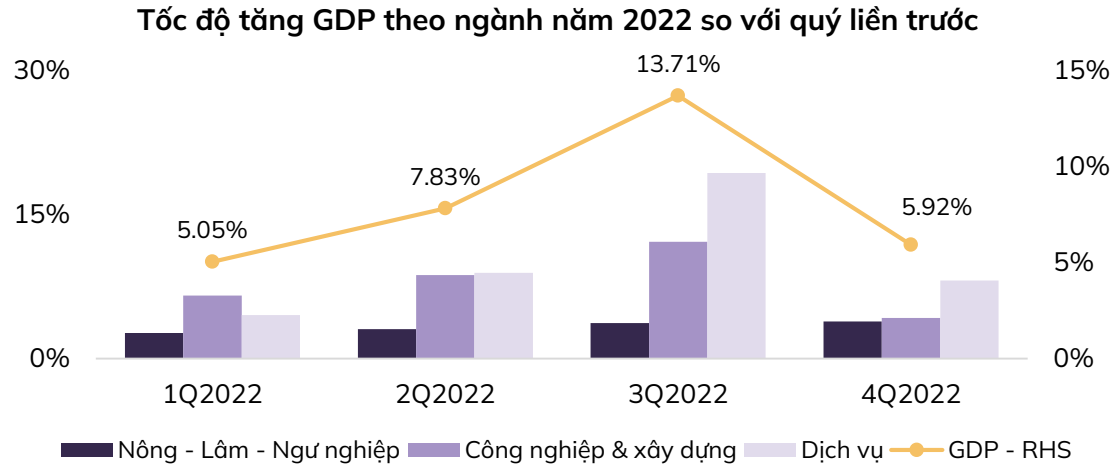
Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS invest



Tham gia room tư vấn miễn phí trên Zalo của ABS



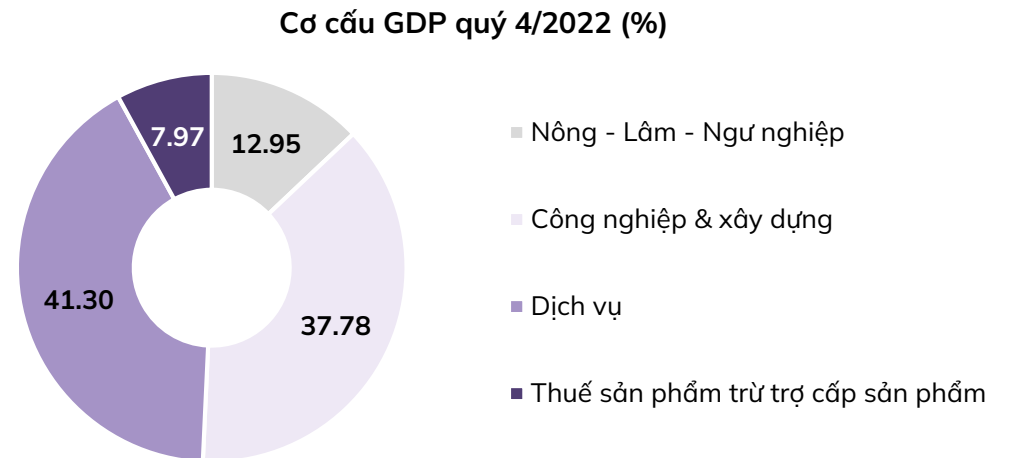
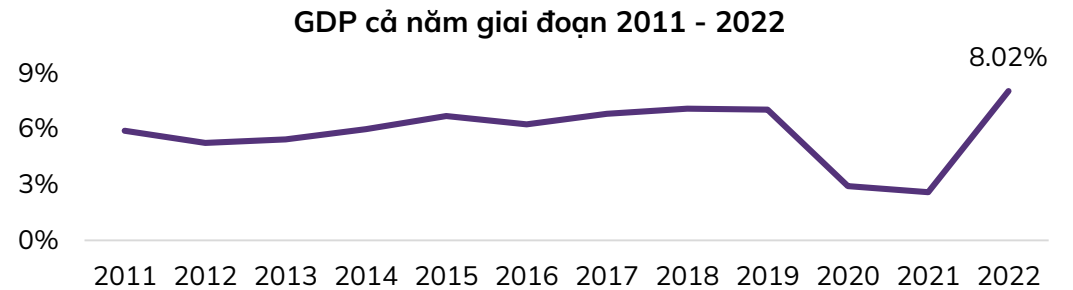
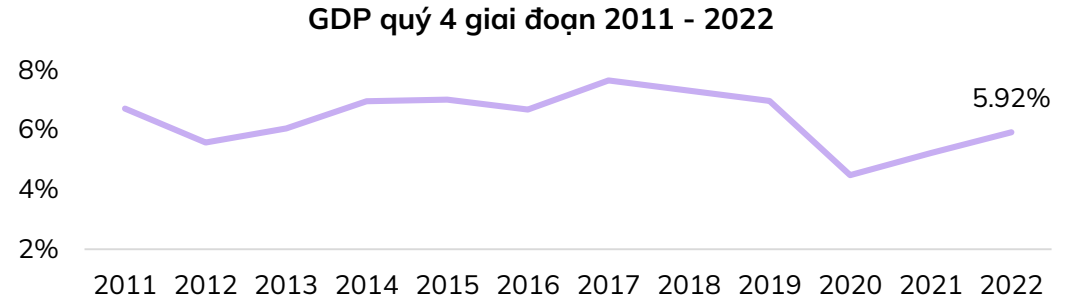
GDP quý 4 năm 2022 có xu hướng sụt giảm mạnh



Nguồn: GSO, ABS Research

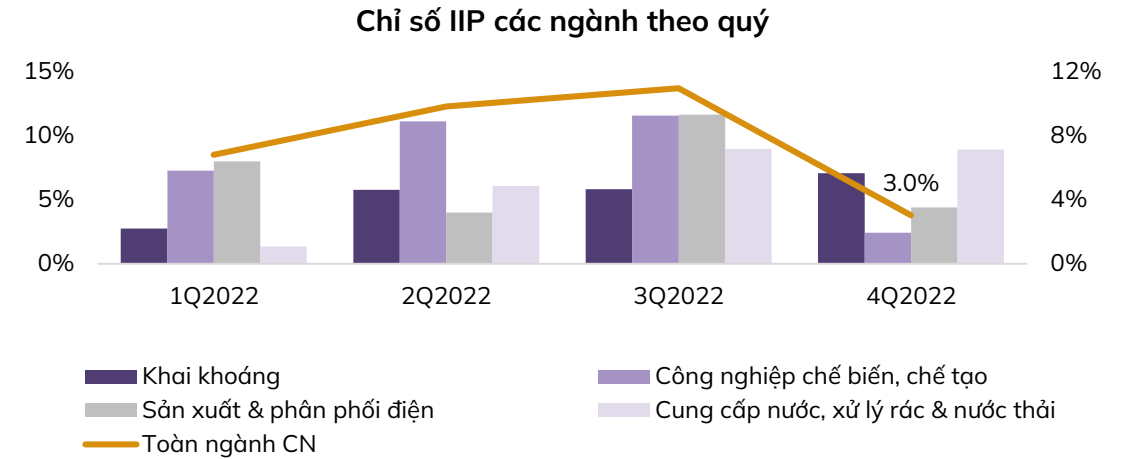
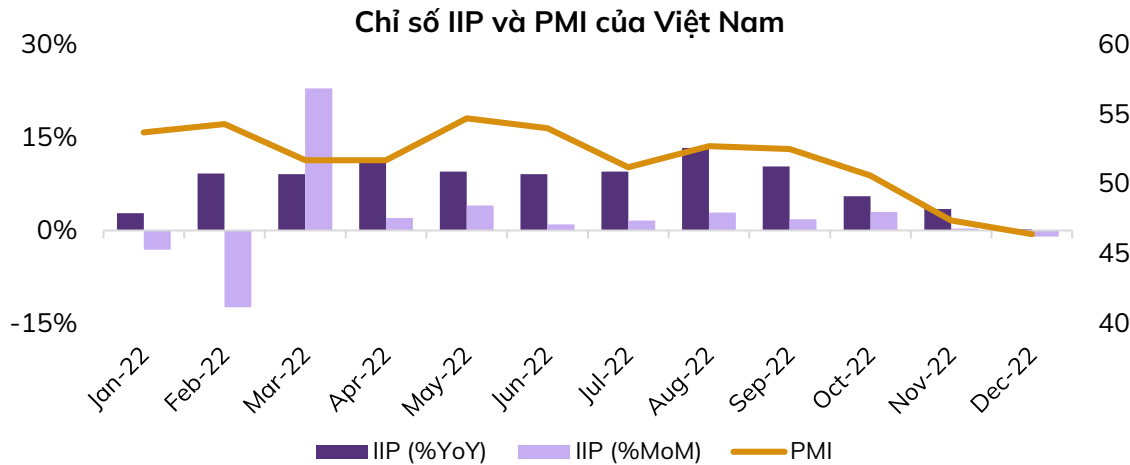
GDP của Việt Nam năm 2022 đã tăng ước tính 8,02%, đây là một con số kỷ lục trong vòng một thập kỷ qua. Tuy nhiên, kết quả của quý 4/2022 chỉ tăng 5,92% mặc dù cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ năm 2020 và 2021 nhưng thấp hơn tốc độ tăng của quý 4 các năm 2011-2019. Điều này cho thấy một xu hướng giảm trong bối cảnh các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn, nhu cầu giảm dẫn tới thu hẹp quy mô sản xuất. Cụ thể:

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,85%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,22%; khu vực dịch vụ tăng 8,12%.
- Đáng chú ý, nhóm Công nghiệp & Dịch vụ đang giảm so với cả ba quý liền trước (lần lượt là 6,56%; 8,70%; 12,19%) và cùng kỳ năm 2021 (5,49%). Xu hướng trên rất đáng lo ngại do đây là nhóm ngành trụ cột của nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng GDP năm sau.



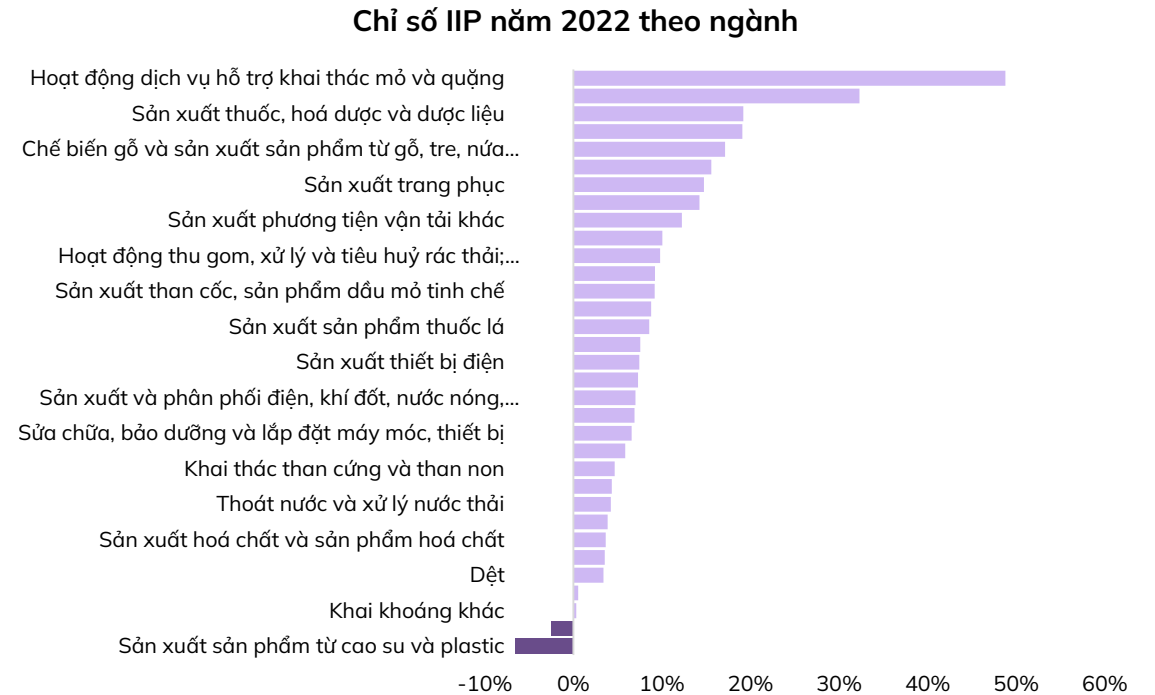
Nguồn: GSO, ABS Research

• Sản xuất công nghiệp tăng chậm lại đáng kể

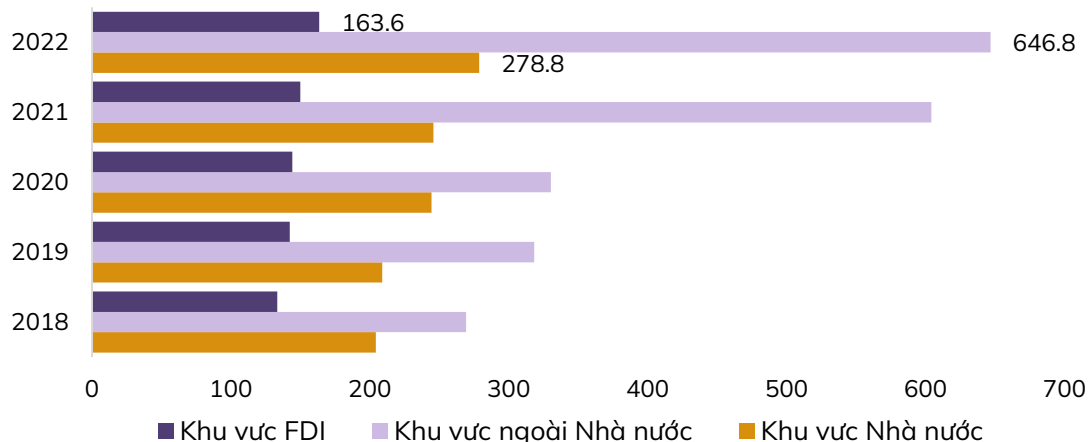


Sản xuất công nghiệp chững lại rõ rệt, cảnh báo suy thoái ngành sản xuất có thể tiếp tục kéo dài sang năm 2023. Đặc biệt khi nhìn vào PMI, chỉ số này đã bắt đầu rơi xuống dưới ngưỡng 50 điểm từ tháng 11 và tiếp tục giảm sâu hơn trong tháng 12, chỉ đạt 46.4 điểm. Nhu cầu của cả thị trường trong nước và quốc tế đều giảm dẫn tới niềm tin kinh doanh ở mức thấp.

- Chỉ số IIP tháng 12/2022 chỉ tăng 0,2% YoY và giảm 1% MoM.
- Tính chung cả năm 2022, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 7,69% so với năm trước (riêng quý 4 tăng 3,6%) là mức tăng thấp nhất so với các quý của năm 2022. Nguyên nhân do đơn hàng sụt giảm, chi phí đầu vào ở mức cao và thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu.
- Xét theo ngành kinh tế, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8.10%, đóng góp 2,09 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế. ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,05%, ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,45% và ngành khai khoáng tăng 5,19%.

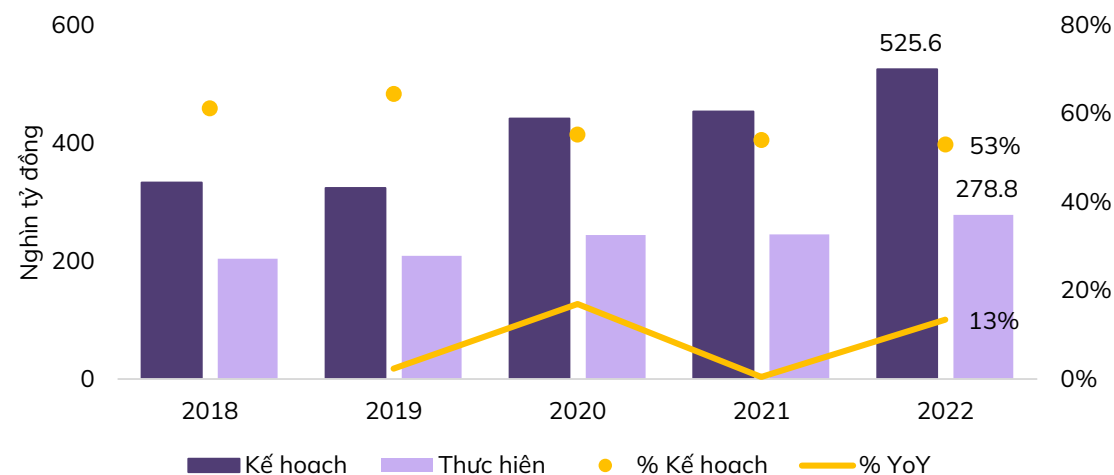


Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội phân theo loại hình kinh tế quý 4 các năm 2018 -2022 (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: GSO, ABS Research

Tiến độ giải ngân đầu tư công quý 4 các năm 2018 - 2022



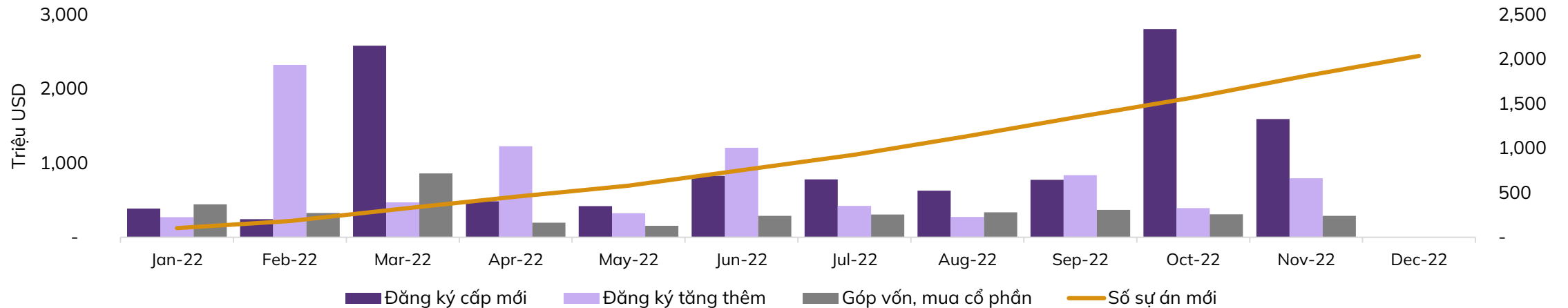
Nguồn: GSO, ABS Research

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành năm 2022 ước đạt 3.219,8 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% YoY, tiếp tục cho thấy đà hồi phục mạnh mẽ của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý 4/2022 theo giá hiện hành ước đạt 1.089,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn khu vực Nhà nước tăng 11,6%; khu vực ngoài Nhà nước tăng 7,1%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 9,1%. Ước tính năm 2022, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 3.219,8 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm trước, bao gồm: Vốn khu vực nhà nước đạt 824,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 25,6% tổng vốn và tăng 14,6% so với năm trước; khu vực ngoài nhà nước đạt 1.873,2 nghìn tỷ đồng, bằng 58,2% và tăng 8,9%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 521,9 nghìn tỷ đồng, bằng 16,2% và tăng 13,9%.
- Kế hoạch giải ngân quý 4 năm 2022 đạt 525,6 tỷ đồng nhưng chỉ thực hiện được 53% kế hoạch, giá trị giải ngân tăng 13% YoY. Nhiều dự án gặp khó khăn do chi phí tăng cao, thiếu nguyên vật liệu hay giải phóng mặt bằng chậm.
- Theo kế hoạch năm 2023, Quốc hội đã thông qua kế hoạch đầu tư công với tổng vốn trên 700.000 tỉ đồng, tăng khoảng 25% (khoảng 140.000 tỉ đồng) so với kế hoạch năm 2022. Một số dự án trọng điểm được đặc biệt chú trọng là 12 dự án thành phần cao tốc Bắc – Nam, sân bay Long Thành,...

• Số dự án FDI tăng vọt nhưng vốn đăng ký mới giảm

Vốn FDI các tháng năm 2022



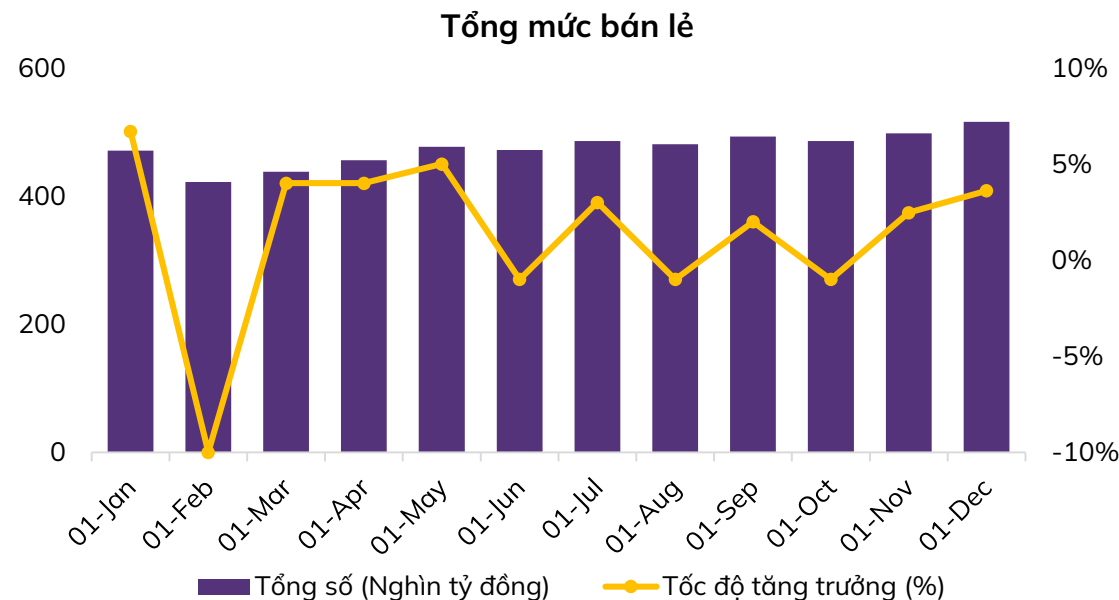
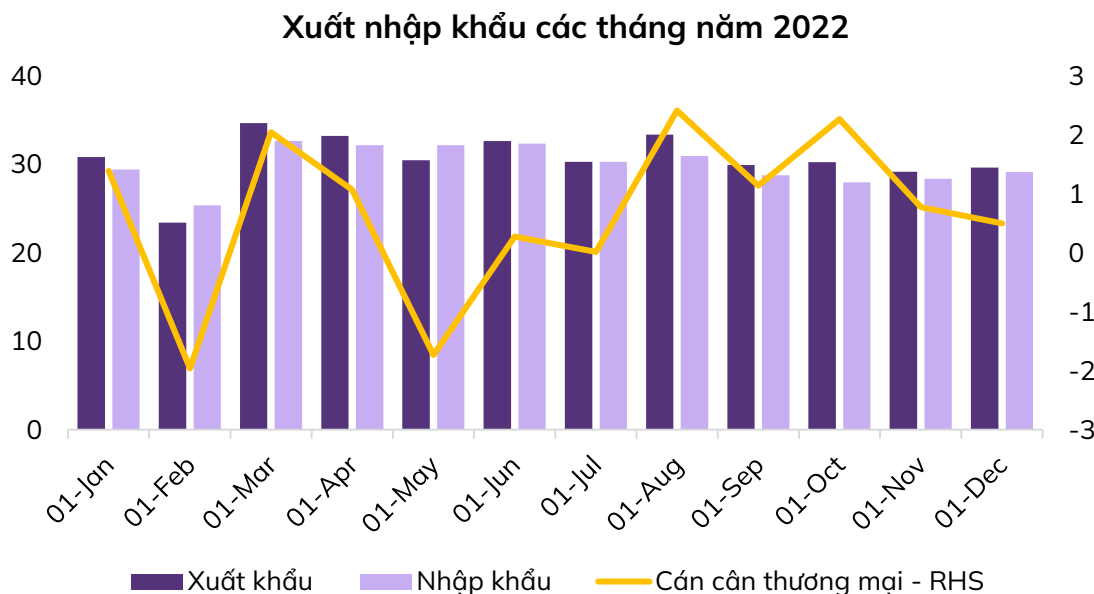
Nguồn: GSO, ABS Research

Tính cả năm 2022, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 27,72 tỷ USD. Vốn đầu tư đăng ký mới tuy giảm song số dự án đầu tư mới tăng lên, vốn đầu tư điều chỉnh cũng tăng so với cùng kỳ năm 2021. Cụ thể:

- 2.036 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (tăng 17,1% so với cùng kỳ),
- Tổng vốn đăng ký đạt gần 12,45 tỷ USD (giảm 18,4% so với cùng kỳ); 1.107 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư (tăng 12,4% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt gần 10,12 tỷ USD (tăng 12,2% so với cùng kỳ).
- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 16,8 tỷ USD, chiếm 60,6% tổng vốn đầu tư đăng ký.
- Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư hơn 4,45 tỷ USD, chiếm 16,1% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo lần lượt là các ngành sản xuất, phân phối điện; hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ với vốn đăng ký đạt lần lượt hơn 2,26 tỷ USD và gần 1,29 tỷ USD.
- Xét về số lượng dự án mới, các ngành bán buôn bán lẻ, công nghiệp chế biến chế tạo và hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ thu hút được nhiều dự án nhất, chiếm lần lượt 30%, 25,1% và 16,3% tổng số dự án.
- Ngoài ra, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 6,46 tỷ USD, chiếm 23,3% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam. Hàn Quốc đứng thứ hai với gần 4,88 tỷ USD. Nhật Bản đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 4,78 tỷ USD.

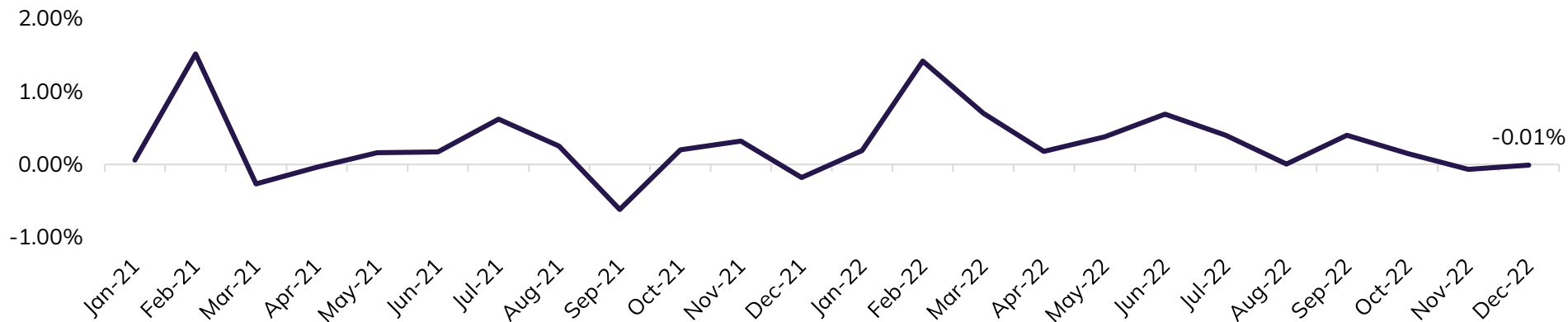
Lạm phát tiếp tục ảnh hưởng rõ rệt tới hoạt động xuất khẩu

- **Xuất khẩu đạt con số kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây, cán cân thương mại hàng hóa năm 2022 ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD.** Tính chung 12 tháng, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 732,5 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2021. Kim ngạch xuất khẩu tháng 12 đạt 58,82 tỷ USD, tăng 2,7% so với tháng trước và giảm 11,2% so với cùng kỳ. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của nước ta, với kim ngạch ước đạt 109,1 tỷ USD. Bên cạnh đó, Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 12/2022 ước đạt 29,16 tỷ USD, tăng 3,1% so với tháng trước, giảm 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Nhu cầu sụt giảm của nền kinh tế toàn cầu chắc chắn sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến tình hình xuất – nhập khẩu của Việt Nam.
- **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 12 tiếp tục vượt đỉnh tháng 11, đạt 516 nghìn tỷ đồng,** tăng 3,61% so với tháng trước. Tính chung cả năm 2022, con số này đạt 5.679,9 nghìn tỷ đồng, tăng 19,8% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 14,4% đạt 4.476 nghìn tỷ đồng, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 52,5% đạt 578,7 nghìn tỷ đồng, Với xu hướng mở cửa toàn bộ nền kinh tế hiện tại, doanh thu du lịch lữ hành tăng gần 4 lần so với cùng kỳ đạt 24,5 nghìn tỷ đồng. Khách quốc tế đến Việt Nam đã tăng gấp 23 lần, chủ yếu qua đường hàng không (tăng gấp 29,5 lần).



CPI cả năm tăng 3.15%, tháng 12/2022 CPI giảm nhẹ so với tháng trước

Tốc độ tăng trưởng CPI các tháng (2021 – 2022)



Nguồn: GSO, ABS Research

Tháng 12/2022, CPI giảm 0,01% so với tháng trước nhờ vào việc giá xăng dầu trong nước giảm theo giá nhiên liệu thế giới.

Trong quý IV, CPI tăng 0,67% so với quý trước và tăng 4,41% so với cùng kỳ năm 2021; tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15%.

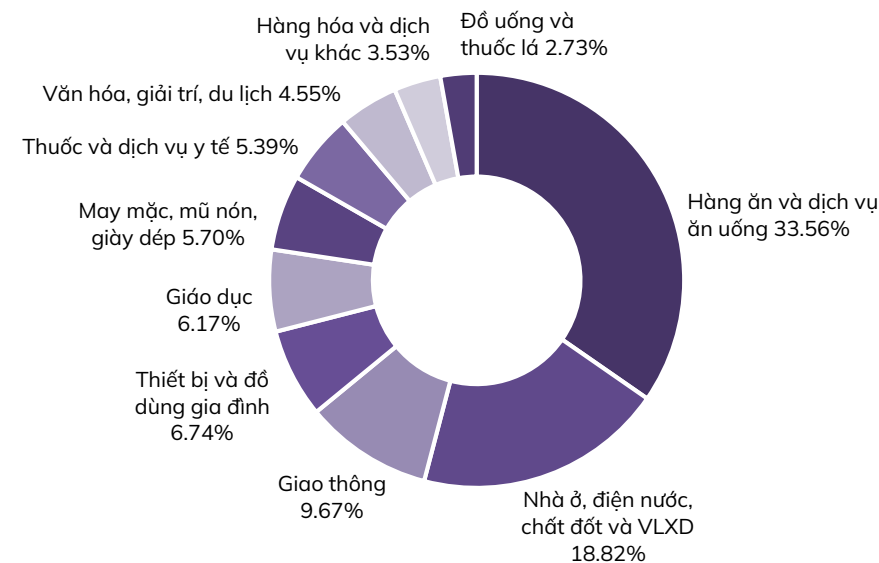
Một số mặt hàng tăng giá trong năm 2022 như:

- Giá gạo năm 2022 tăng 1,22% so với năm 2021
- Giá nhà ở và vật liệu xây dựng năm 2022 tăng 3,11%
- Giá dịch vụ giáo dục năm 2022 tăng 1,44%

Ngược lại, một số mặt hàng giảm giá có thể kể tới:

- Giá nhà ở thuê giảm 1,83%
- Giá thịt lợn giảm 10,68% so với năm trước.

Tỷ trọng rõ hàng hóa CPI

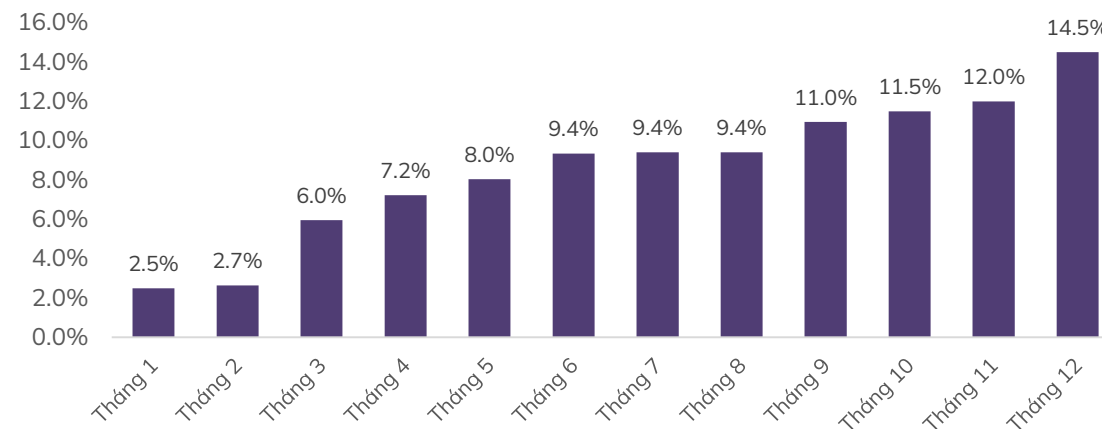


Nguồn: GSO, ABS Research 15

• Tăng trưởng tín dụng thấp hơn hạn mức, VND mất giá so với ngoại tệ khác

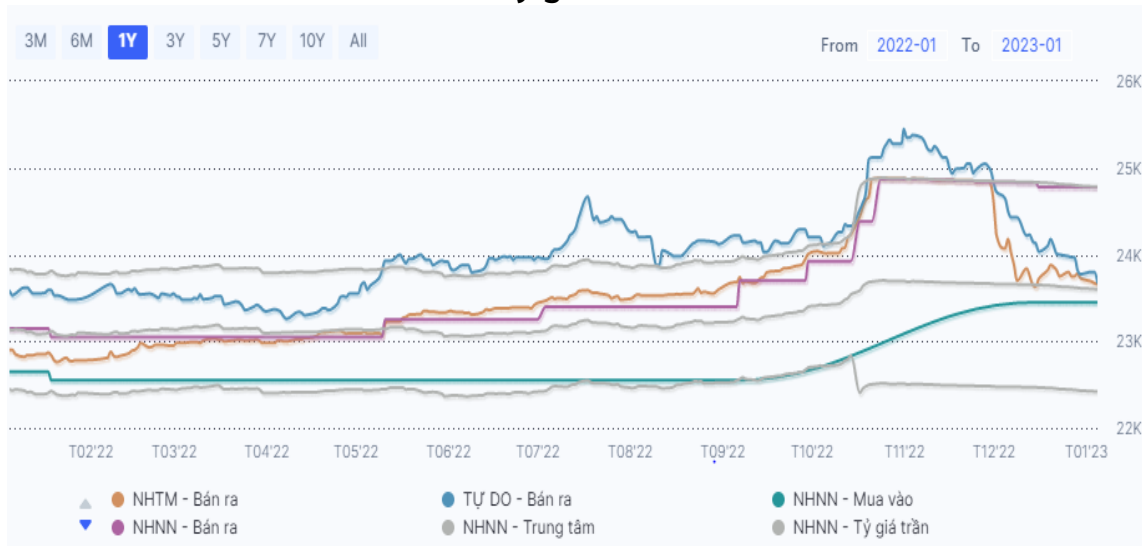
- **Tăng trưởng tín dụng năm 2022 đạt tốc độ 14,5%**, cao hơn hạn mức tăng trưởng tín dụng (room) đặt ra đầu năm, nhưng vẫn thấp hơn khoảng 1,5% so với hạn mức sau khi đã nới room. Đầu tháng 12/2022, hạn mức tín dụng được nới tăng lên khoảng 15,5% - 16% đảm bảo thanh khoản, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống ngân hàng.
- **Tỷ giá VND/USD biến động mạnh, nhưng hồi phục về cuối năm giúp VND trở thành đồng tiền mất giá thấp hơn nhiều so với nhiều đồng tiền khu vực và thế giới.** Trong năm 2022, mặc dù có những thời điểm VND mất giá 7-8% YoY so với USD nhưng đến cuối năm 2022, VND chỉ còn mất giá 3,53%, bằng một nửa so với hai tháng trước. Để đối phó với diễn biến này, NHNN đã sử dụng đồng bộ, linh hoạt các công cụ như: Sử dụng Quỹ dự trữ ngoại hối, tăng lãi suất, nới biên độ tỷ giá,... tỷ giá thị trường dần tìm được điểm cân bằng và ổn định từ giữa tháng 11 cho đến nay.

Tăng trưởng tín dụng các tháng năm 2022



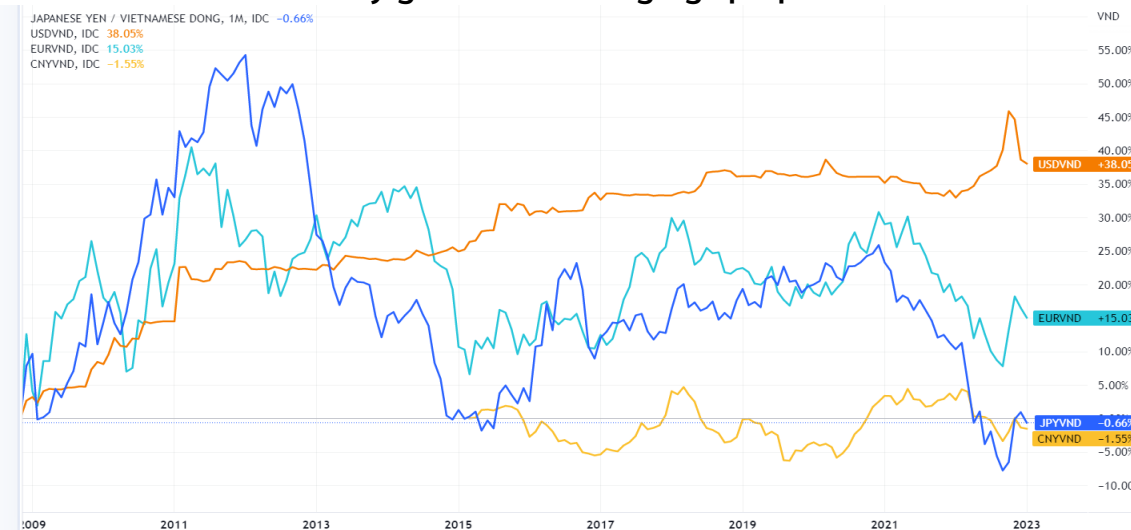
Nguồn: SBV, ABS Research

Tỷ giá VND



Nguồn: Wichart, ABS Research

Diễn biến tỷ giá của các đồng ngoại tệ so với VND



Nguồn: Tradingview, ABS Research



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

THẬN TRỌNG CUỐI NĂM



Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS invest



Tham gia room tư vấn miễn phí trên Zalo của ABS



► Tổng quan TTCK tháng 12/2022

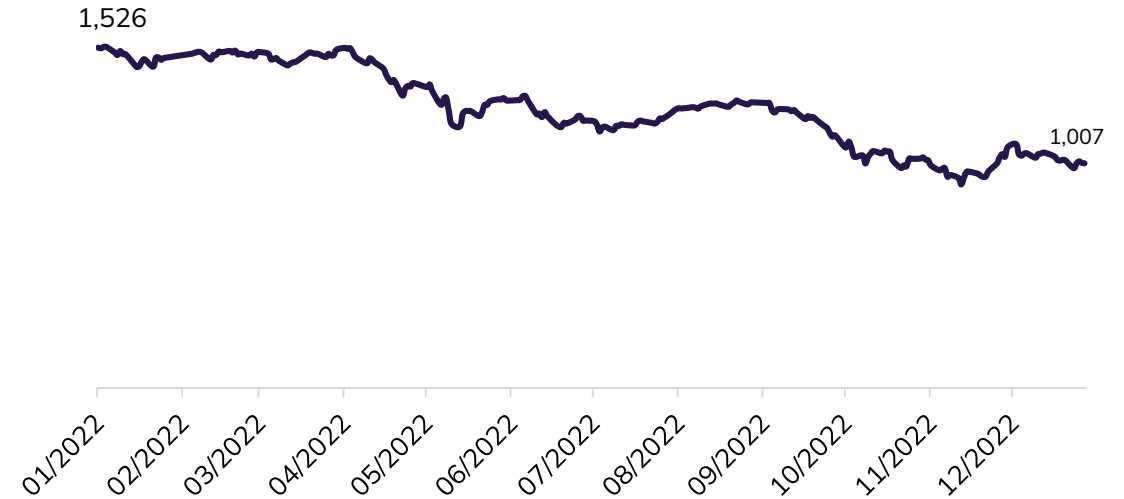
Tăng trưởng nóng đầu tháng và chậm lại

- Tháng 12 ghi nhận sự tăng nóng trong đầu tháng được dẫn dắt bởi dòng vốn ngoại, tiêu biểu là dòng vốn ETF từ các quỹ ngoại như Fubon. Tăng trưởng trên được nối tiếp từ các phiên giao dịch trong cuối tháng 11 và dần suy yếu khi bước vào giai đoạn giữa tháng 12.
- Nhìn chung trong tháng, VNI giao dịch giằng co trong biên độ hẹp, phần lớn thời gian giao dịch trong vùng 1020 – 1050. Ghi nhận một số phiên điều chỉnh nhưng được hỗ trợ tích cực bởi vùng 980 – 1000. Thanh khoản được cải thiện so với mức nền thấp của các tháng trước đó.
- Thống kê các TTCK trên thế giới trong tháng 12 có xu hướng chung là điều chỉnh nhẹ, do bước vào giai đoạn nghỉ lễ cuối năm nên tâm lý NĐT có phần thận trọng.

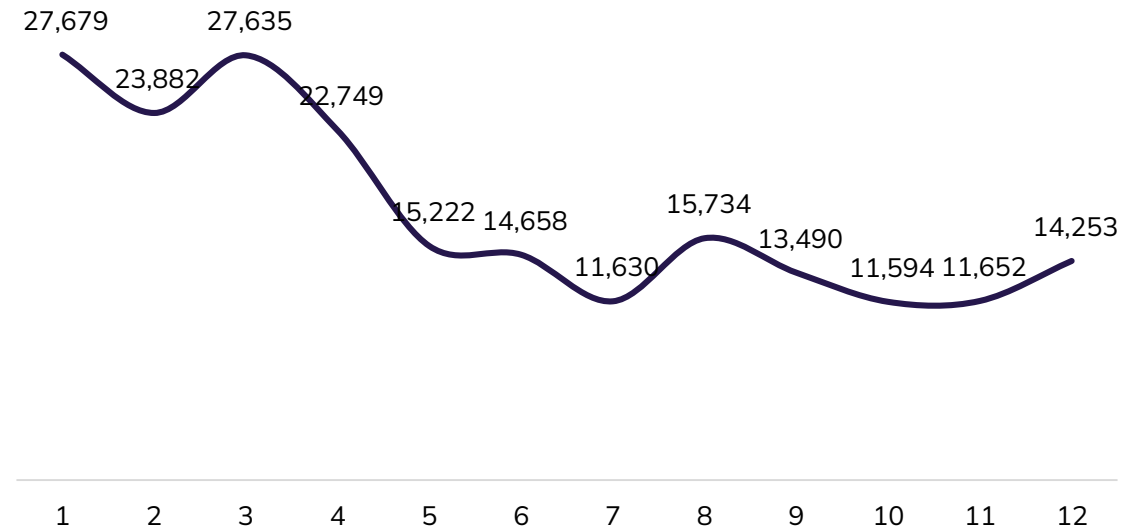
Biến động chỉ số một số TTCK trên thế giới

	% thay đổi 1M	% thay đổi 3M	% thay đổi 6M	% thay đổi YTD
Dow Jones	-4.16%	16.84%	7.69%	-3.78%
S&P 500	-5.90%	7.08%	1.42%	-19.44%
Nasdaq	-3.73%	-1.03%	-5.10%	-33.10%
FTSE 100	-1.60%	3.09%	3.94%	0.91%
DAX	-3.29%	14.93%	3.92%	-12.35%
Nikkei 225	-6.70%	0.61%	-1.13%	-9.37%
Shanghai	-1.97%	2.14%	-9.10%	-15.13%
SET	2.04%	4.98%	6.40%	0.67%
VNINDEX	-3.94%	-11.04%	-15.91%	-33.99%

Diễn biến điểm số VNIndex trong năm 2022



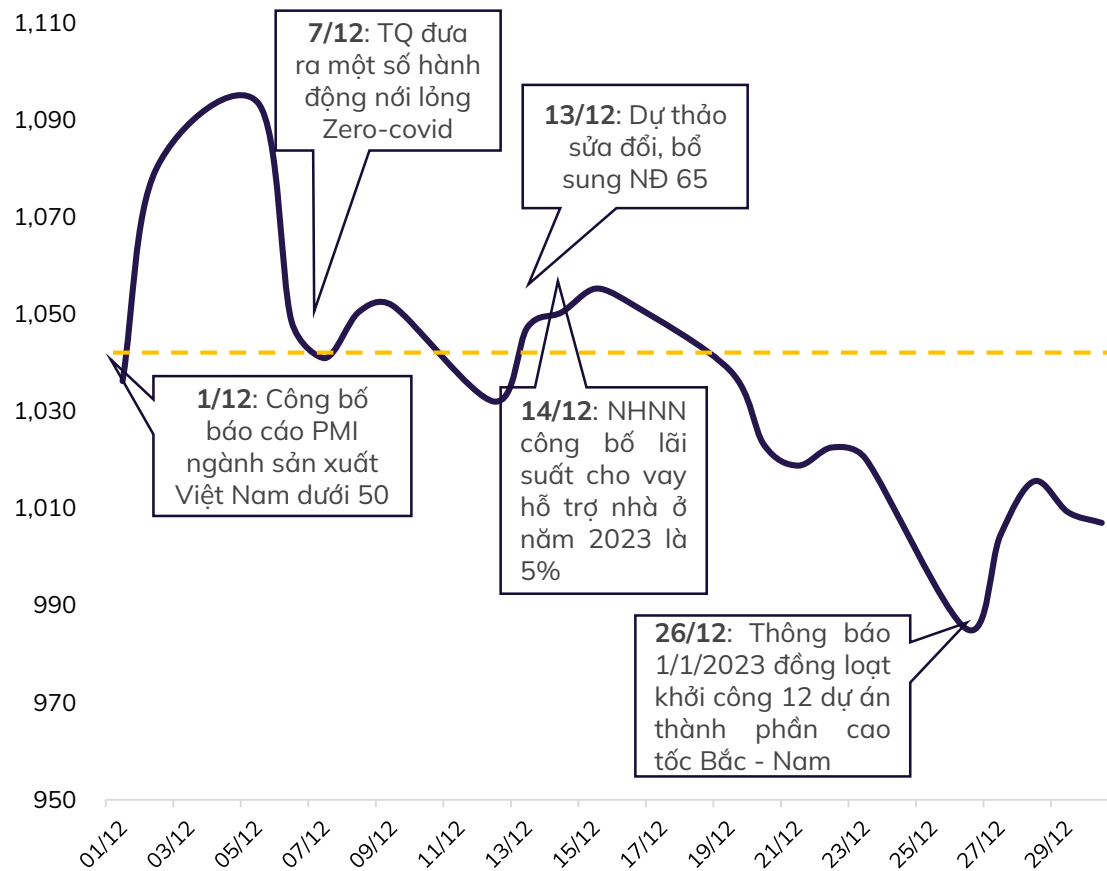
Trung bình GTGD theo tháng



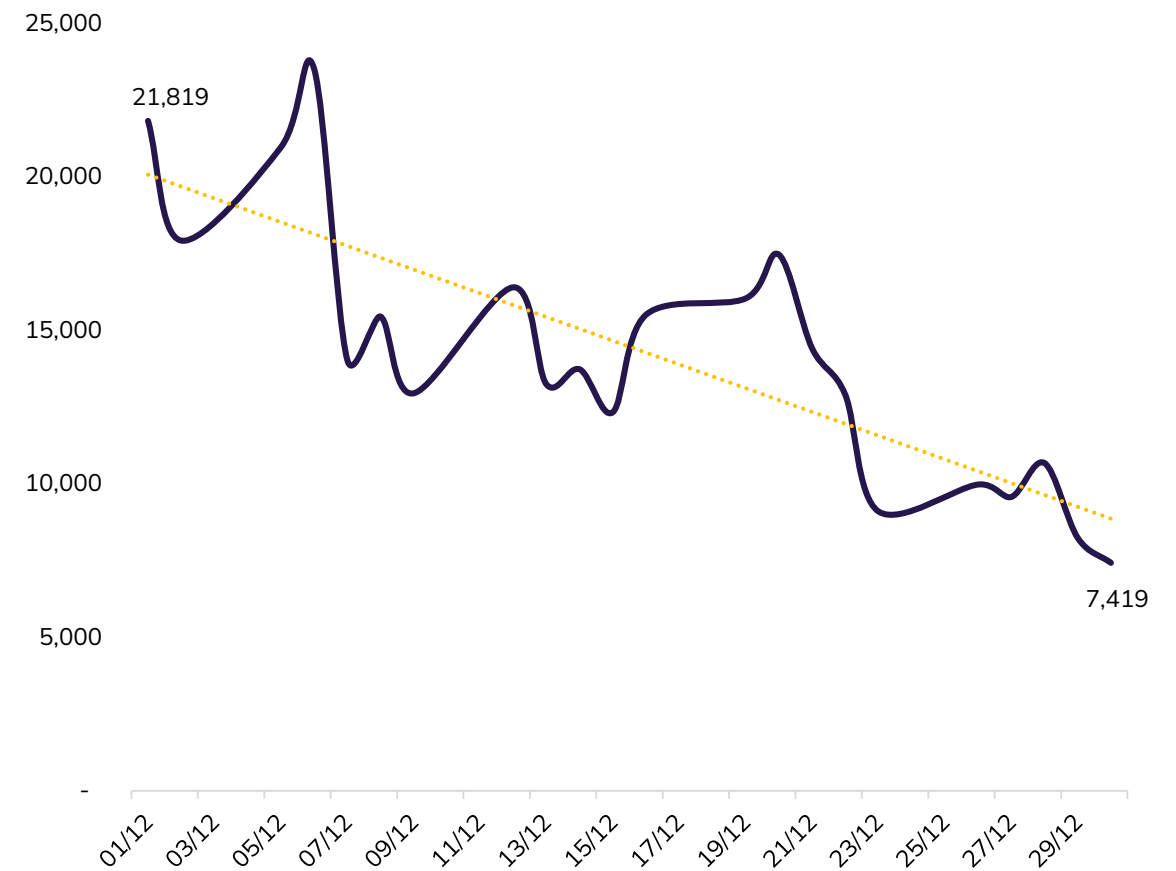
Điểm lại một số phiên của VNIndex trong tháng 12

VNIndex tăng hưng phấn trong suốt tuần đầu của tháng 12 và đuối sức dần trong giai đoạn còn lại. Việc thị trường tăng nóng đầu tháng và cuối tháng có kỳ nghỉ lễ khiến nhà đầu tư giao dịch thận trọng dần. Tin tức mang tính chất hỗ trợ tích cực nhất lên VNI trong tháng 12 là việc TQ nới lỏng biện pháp chống dịch COVID, tuy nhiên ước tính công bố kết quả kinh doanh Q4/22 của một số doanh nghiệp niêm yết không được tích cực cũng là tác nhân khiến NĐT thận trọng hơn trong tháng này.

Biến động VNI trong tháng 12

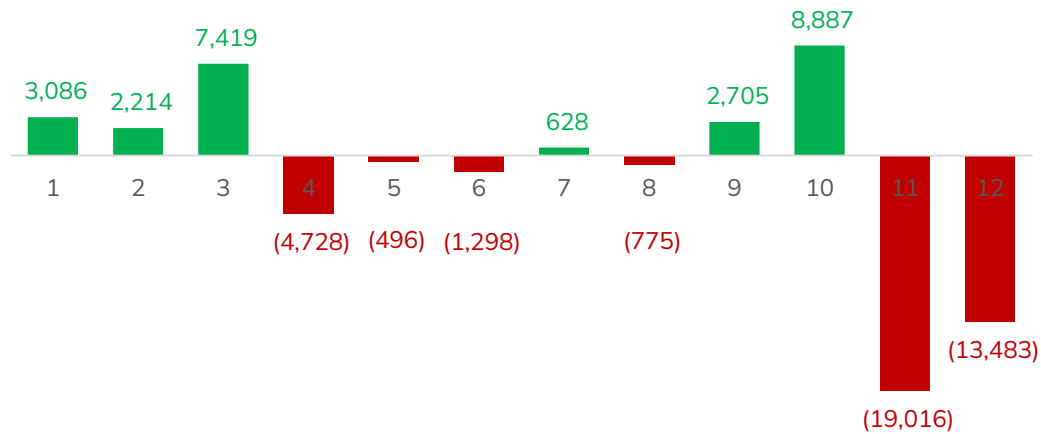


Biến động thanh khoản VNI trong tháng 12



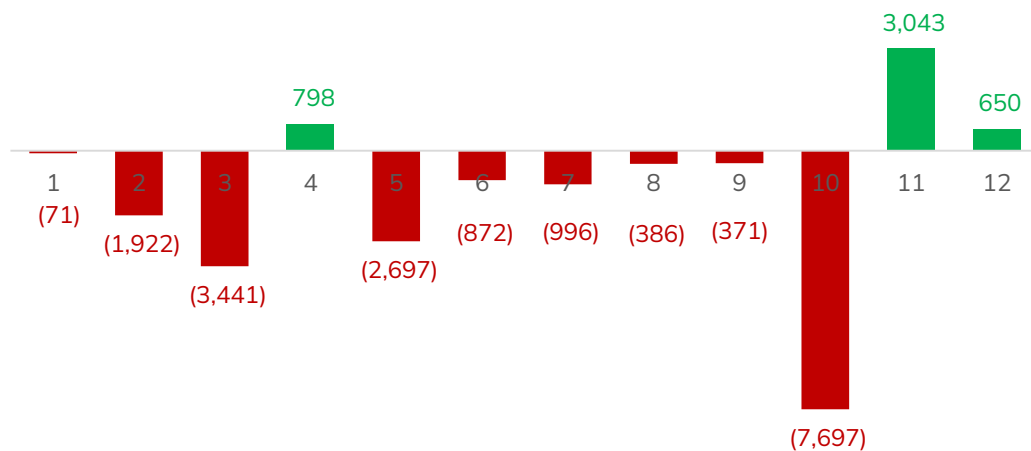
Nhà đầu tư đã hành động như nào trong tháng 12

NĐT cá nhân bán tháo kỷ lục

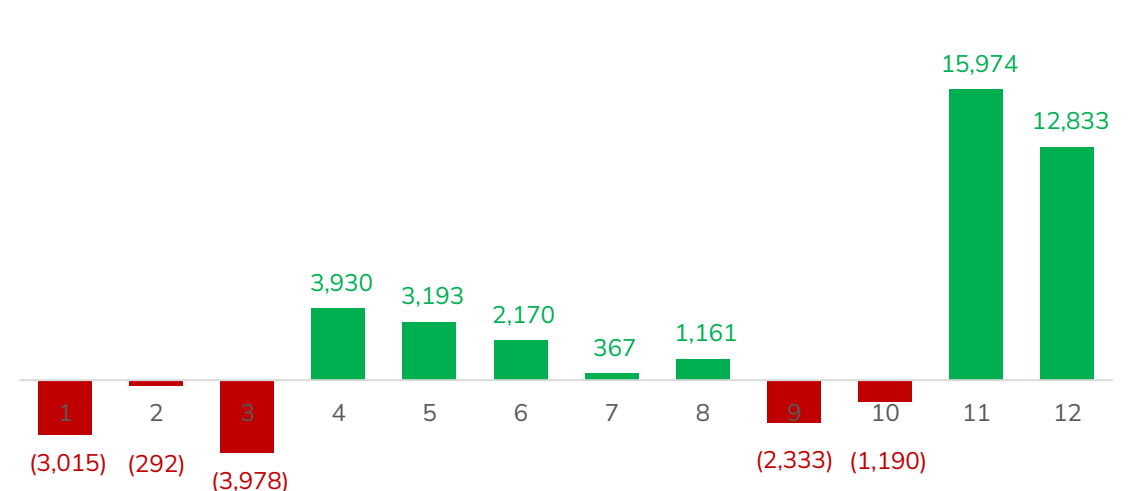


- Các NĐT tổ chức tiếp tục mua ròng, điển hình là NĐT nước ngoài. Tháng 12 tiếp cho thấy lực mua mạnh của NĐT nước ngoài với giá trị ròng 12.833 tỷ đồng, mặc dù tốc độ mua của NĐT chậm lại khi tiến về cuối tháng. Đỉnh điểm là phiên ngày 22/12, khối ngoại bán ra 2.488 tỷ VND, chủ yếu ở mã EIB với giá trị bán ròng 2.846 tỷ đồng do hoạt động chuyển nhượng cổ phần.
- **NĐT cá nhân tiếp tục bán mạnh.** Thống kê cho thấy, lực bán mạnh nhất thuộc về NĐT cá nhân, với giá trị bán ròng đạt 13.483 tỷ đồng, trong đó lực bán phân bố tương đối đều trong tháng. Đặc biệt, giá trị bán có xu hướng giảm dần về cuối tháng khi sát kỳ nghỉ lễ, NĐT có tâm lý nghỉ lễ, ngừng giao dịch và quan sát tham gia thị trường vào đầu năm 2023.

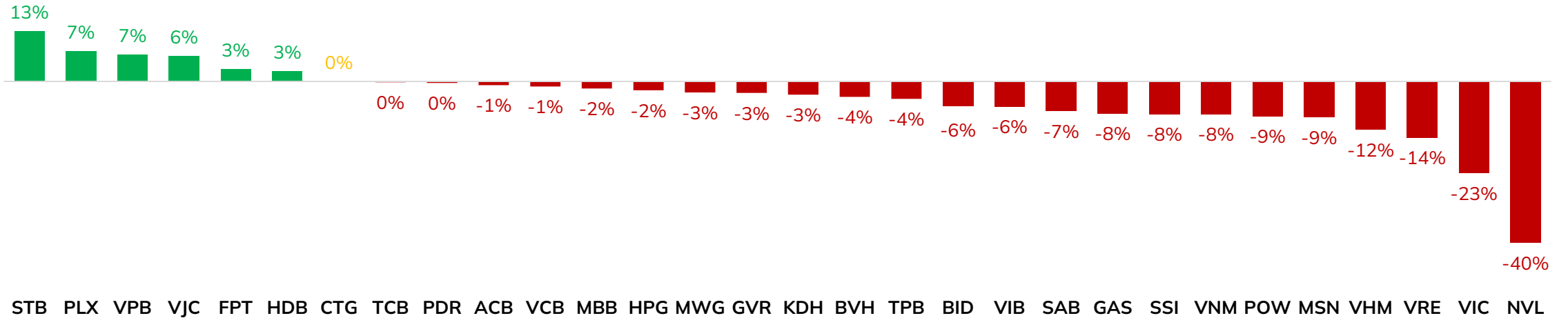
Giá trị mua ròng của tự doanh giảm trong tháng 12



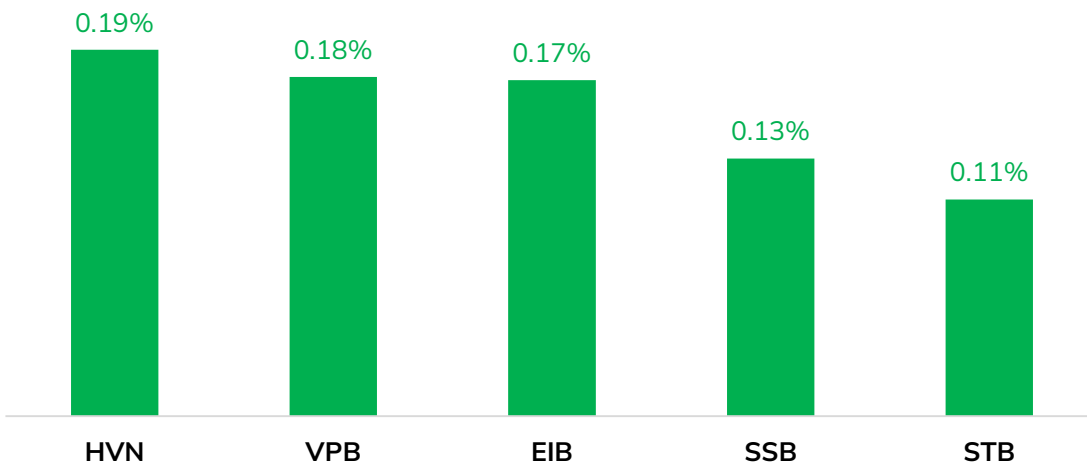
NĐT nước ngoài tiếp tục mua mạnh trong tháng 12



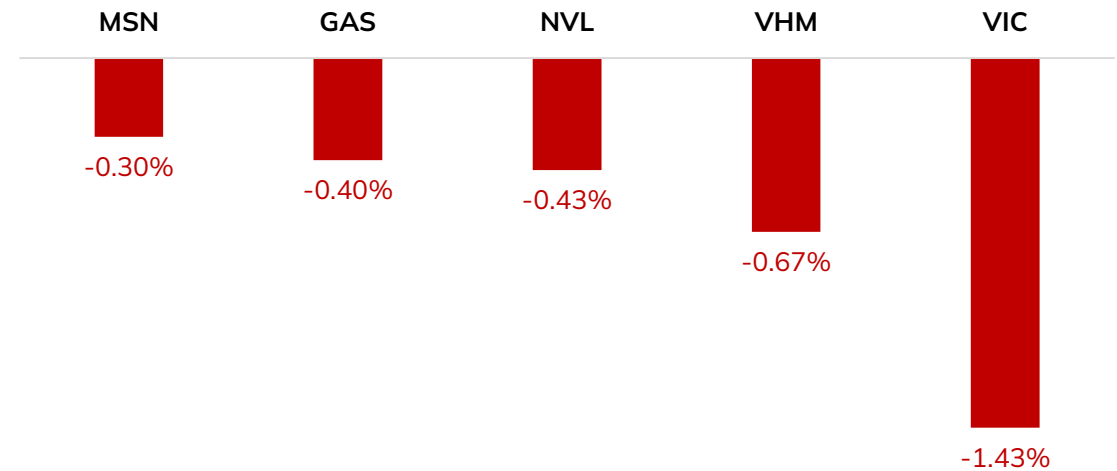
Biến động giá cổ phiếu trong nhóm VN30



Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tích cực đến VNI

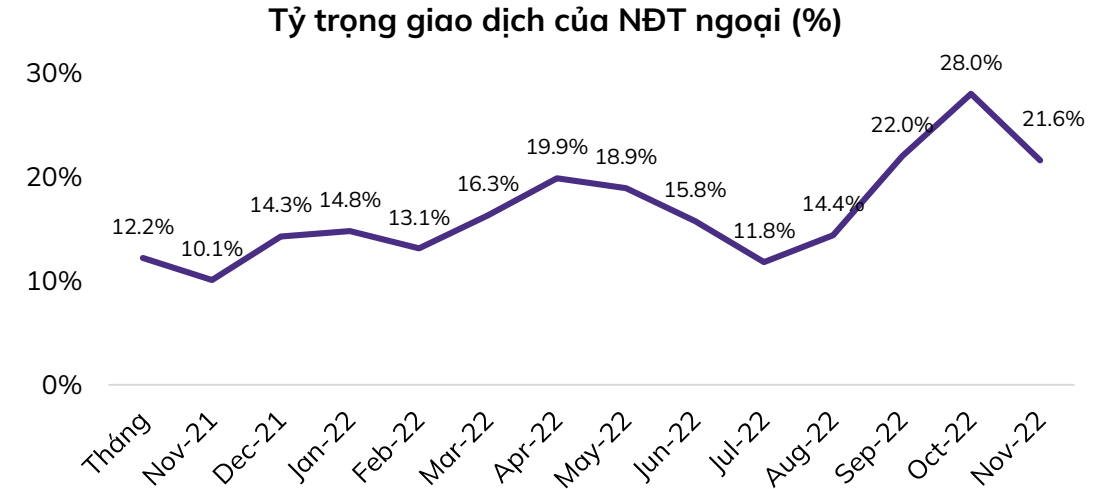


Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến VNI



Khối ngoại tiếp tục mua ròng giá trị lớn

- NĐT nước ngoài tiếp tục đóng vai trò lớn trên thị trường với tỷ trọng giao dịch toàn thị trường đạt 21,6%. Nhiều quỹ ETF lớn như Fubon và các quỹ chủ động nước ngoài tiếp tục gia tăng giải ngân ở vùng giá rẻ.
- NĐT nước ngoài tiếp tục mua ròng mạnh với giá trị mua ròng tháng 12 đạt 12.833 tỷ đồng. **NĐT nước ngoài trong tháng 12 tập trung mua mạnh vào nhóm các cổ phiếu trụ** như VNM, MSN, VCB, CTG, chứng chỉ quỹ FUEVFNVD, các mã mipcáp như DGC, FRT, DPM, DCM, NLG... với tổng giá trị mua ròng 10 mã đạt hơn 3,08 nghìn tỷ đồng.



Top 10 mã mua/bán lớn nhất của NĐT cá nhân (tỷ đồng)

STT	Mã CK	Mua	Mã CK	Bán
1	AAA	4,862	YEG	-931
2	AAM	1,449	YBM	-351
3	AAT	733	VTO	-335
4	ABR	616	VTB	-313
5	ABS	547	VSI	-271
6	ABT	532	VSH	-256
7	ACB	447	VSC	-245
8	ACC	428	VRE	-216
9	ACG	392	VRC	-211
10	ACL	292	VPS	-201

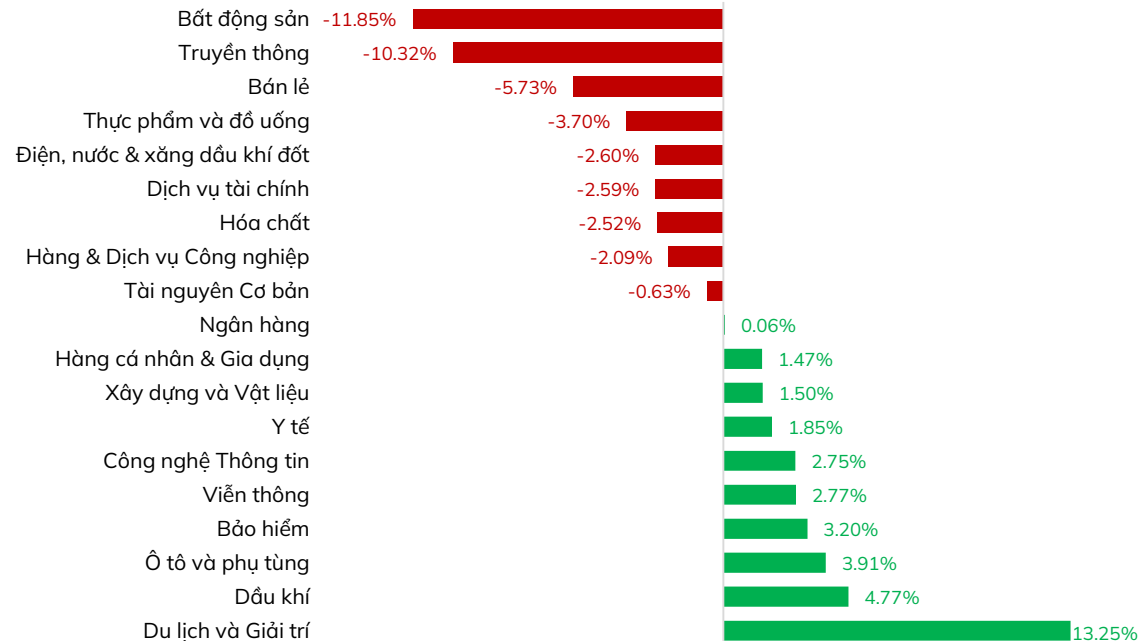
Top 10 mã mua/bán lớn nhất của NĐTNN (tỷ đồng)

STT	Mã CK	Mua	Mã CK	Bán
1	VNM	709	HPG	-1,130
2	MSN	446	STB	-416
3	DGC	305	VND	-346
4	FUEVFNVD	302	VHM	-277
5	FRT	253	DXG	-208
6	DPM	253	GEX	-205
7	DCM	250	NVL	-203
8	VCB	203	KDH	-106
9	CTG	182	HAH	-84
10	NLG	179	SAB	-80

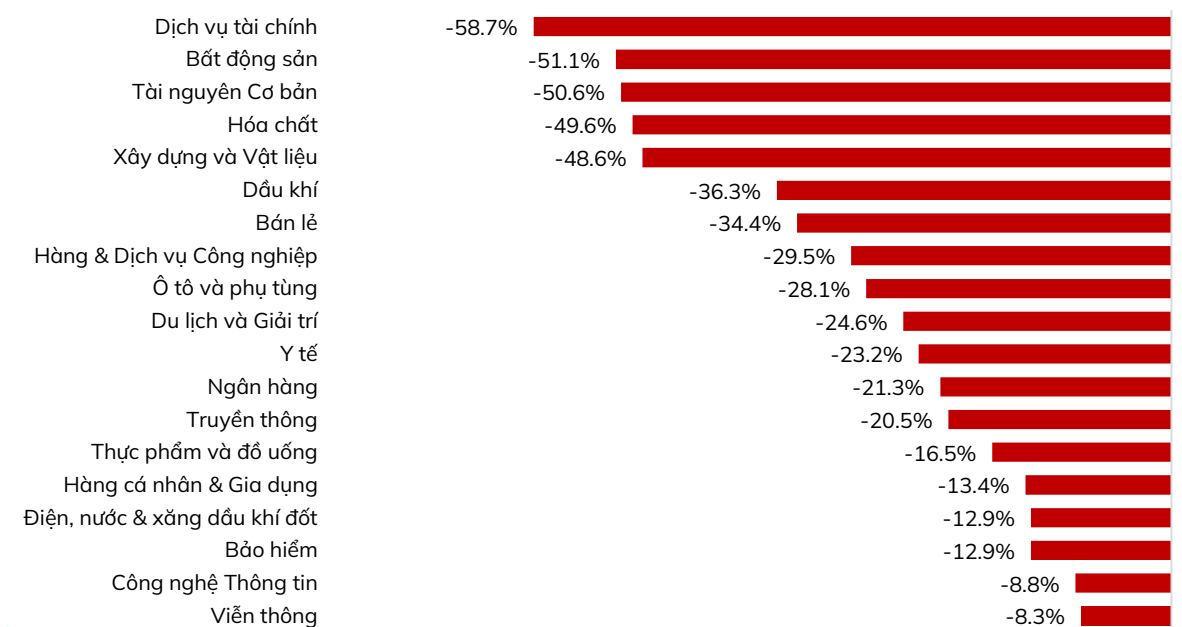
Tháng 12 ghi nhận tình hình giao dịch tiêu cực ở đa phần các cổ phiếu có vốn hóa lớn, tiêu biểu là nhóm VN30. Cổ phiếu BĐS lớn như NVL hay như nhóm Vingroup (VIC, VHM, VRE). Các tin tức kinh tế hỗ trợ thị trường chứng khoán trong tháng 12 không quá nhiều, điểm sáng duy nhất là tin tức về việc Trung Quốc có các động thái nới lỏng biện pháp chống dịch COVID và kế hoạch dỡ bỏ hoàn toàn các biện pháp chống dịch vào năm 2023, đồng thời với kế hoạch “giải cứu ngành bất động sản”. Ngoài ra giá thép tại Trung Quốc, Việt Nam và giá dầu thế giới hồi phục. Các yếu tố này có tác động tích cực lên giá cổ phiếu của một số nhóm ngành, mặc dù là trong ngắn hạn:

- Nhóm cổ phiếu ngành thép: HPG, HSG, NKG
- Nhóm cổ phiếu xuất khẩu thủy sản: VHC, ANV
- Nhóm ngành hậu cần, cảng biển logistic: HAH, GMD
- Cổ phiếu du lịch, hàng không: HVN
- Cổ phiếu dầu khí: PVD

Chuyển động các nhóm ngành trong tháng 12



Chuyển động các nhóm ngành từ đầu năm



TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 1/2023

Dựa trên các yếu tố:

- Số liệu vĩ mô Q4 và cả năm 2022 tích cực: CPI ở mức thấp (bình quân 3,15%), tăng trưởng kinh tế phục hồi ở mức cao (8,02%); tín dụng ước tăng khoảng 14,5%; thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định (VND mất giá 3,5%, mặt bằng lãi suất tăng khoảng gần 1%/năm, là mức biến động thấp hơn nhiều so với các nước trên thế giới và khu vực), thanh khoản hệ thống cơ bản được đảm bảo... Điều này giúp cải thiện triển vọng kinh tế của Việt Nam trong năm 2023 và vị thế của Việt Nam trên thị trường tài chính quốc tế.
- Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công như một động lực chủ chốt cho tăng trưởng kinh tế, đồng thời việc này giúp cải thiện thanh khoản cho thị trường tiền tệ. Nhiều dự án lớn sắp đã được khởi công ngay ngày đầu năm mới 2023.
- Dự kiến room tín dụng lần đầu của năm 2023 sẽ nhanh chóng được cấp cho các ngân hàng trong tháng đầu năm, đáp ứng nhu cầu về vốn của nền kinh tế và giúp hỗ trợ thanh khoản cho thị trường tài chính.
- Định giá của thị trường đã về mức thấp sau quá trình điều chỉnh trong tháng 12/2022. Định giá P/E của VNIndex cuối năm 2022 ở mức 10,5x - là mức rất hấp dẫn trong trung và dài hạn.
- Đầu năm dương lịch thông thường là thời điểm các nhà đầu tư cả tổ chức và cá nhân bắt đầu một chu trình giải ngân đầu tư cho cả năm.
- Dòng tiền thông minh đang có dấu hiệu mua vào cổ phiếu tại mức định giá rẻ với giá trị giao dịch lớn trong các phiên gần đây. Khối ngoại trong đó có cả các ETFs tích cực giải ngân trên TTCK Việt Nam tháng 12/2022 và dự kiến sẽ tiếp tục trong tháng 1/2023. Đây đang là yếu tố hỗ trợ tích cực cho thị trường cũng như kích thích các nhà đầu tư cá nhân mua vào.
- Về mặt kỹ thuật, VNIndex đã có nhịp hồi phục thứ nhất từ vùng điểm số 874, tương ứng mức tăng 25,9% tới 1.100đ và có một nhịp điều chỉnh -10,5% xuống từ 1100 xuống 984 trong vòng 4 tuần. Hiện tại VNIndex đã xác nhận nhịp hồi phục thứ 2 trong nhịp hồi trung hạn. **Chúng tôi kỳ vọng VNIndex tăng điểm hướng tới các vùng điểm số 1080-1100 và xa hơn là 1143-1160 trong tháng đầu năm 2023.**
 - ❖ **Vùng 1:** Khi VNIndex tiệm cận vùng 1100đ sẽ có rung lắc, đây là cơ hội là nhà đầu tư đảo hàng.
 - ❖ **Vùng 2:** Khi VNIndex tiệm cận vùng giá 1143-1160đ, đây là vùng giá NĐT nên bán chốt lời.
 - ❖ **Vùng 3:** Trường hợp đặc biệt, dự kiến sau tết âm lịch VNIndex được kéo mạnh lên 1205-1215, đây là vùng rủi ro rất cao.



Chúng tôi cho rằng VNINDEX có xác suất cao có nhịp hồi phục hướng tới các mục tiêu điểm số 1080-1100 và xa hơn là 1143-1160 trong tháng đầu năm 2023.





DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ



Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS invest



Tham gia room tư vấn miễn phí trên Zalo của ABS



TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 1/2023

Về triển vọng nhóm ngành, chúng tôi đánh giá cao các ngành sau:

- Hưởng lợi từ đầu tư công: Các doanh nghiệp **Xây dựng hạ tầng** và **Vật liệu xây dựng** tham gia dự án Sân bay Long Thành và 12 dự án cao tốc Bắc Nam.
- Hưởng lợi từ các dự án dầu khí và giá dầu ở mức cao: Ngành **Dầu khí**
- Hưởng lợi từ việc Trung Quốc mở cửa: Các doanh nghiệp ngành **Thủy sản** và **Cao su thiên nhiên** có khả năng gia tăng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và hưởng lợi từ xu hướng tăng giá hàng hóa.
- Hưởng lợi từ việc giá nguyên vật liệu tăng: Ngành **Thép**.
- Hưởng lợi từ thanh khoản thị trường cải thiện: Ngành **Ngân hàng** và **Chứng khoán** hưởng lợi từ thanh khoản thị trường hồi phục.
- Hưởng lợi từ Quy hoạch điện VIII và điều kiện thời tiết: Ngành **Nhiệt điện, Xây lắp điện**.
- Các ngành phòng thủ: Ngành **Sữa, Công nghệ thông tin**.

➤ CẬP NHẬT CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

04/01/2022	Giá hiện tại	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng	Luận điểm đầu tư
VCB	82.8	91.0	94.1	76	9.90%	VCB có chất lượng tài sản tốt với tỷ lệ nợ xấu thấp nhất và tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu cao nhất hệ thống. Tín dụng tăng trưởng mạnh năm 2022 và với việc nhận lại ngân hàng không đồng thì VCB sẽ tiếp tục được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng cao trong các năm tới. Ưu thế về nguồn vốn giá rẻ và sở hữu nhà nước giúp NIM của VCB duy trì ổn định.
VPB	18,9	21,0	19,5	17	11,11%	Có kế hoạch bán vốn cho SMBC đầu năm 2023. Tham gia tái cơ cấu một ngân hàng 0 đồng và được cấp room tín dụng cao trong giai đoạn này. Có thể được nới room ngoại lên 49% theo EVFTA.
SSI	19	22,0	24,0	16,8	15,79%	Hưởng lợi từ thanh khoản và điểm số thị trường hồi phục trong tháng 1/2023. Hoạt động kinh doanh không bị ảnh hưởng nhiều bởi việc siết lại quy định phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
DPG	29,65	33,0	38,5	24	11,30%	Hưởng lợi từ việc đẩy mạnh giải ngân các dự án đầu tư công và doanh nghiệp trúng thầu nhiều công trình lớn. Mảng thủy điện vẫn tiếp tục hưởng lợi từ điều kiện thủy văn thuận lợi đến hết Q1/2023.
C4G	10,7	14,0	n/a	8,7	30,84%	Hưởng lợi từ việc chính phủ đẩy mạnh đầu tư công.
HPG	19,4	22,0	25,0	16,8	13,40%	Hưởng lợi từ việc chính phủ đẩy mạnh đầu tư công, giá thép tăng tại Trung Quốc và Việt Nam.
POW	11	12,5	14,5	10,2	13,64%	Triển vọng ngắn hạn năm 2023 dự báo khả quan khi giá khí đầu vào dự báo tiếp tục điều chỉnh. Triển vọng dài hạn lạc quan khi các Nhà máy điện khí NT3 & NT4 & LNG Quảng Ninh dự kiến đi vào vận hành trong giai đoạn 2024-2025 trong khi Dự thảo Quy hoạch điện VIII tháng 12/2022 nâng cao vai trò điện khí.

▶ CẬP NHẬT CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

04/01/2022	Giá hiện tại	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng	Luận điểm đầu tư
PC1	22,35	25,0	28,0	18,5	11,86%	Tiếp tục nắm giữ vị thế số 1 về xây lắp điện. Lĩnh vực sản xuất điện dự báo lạc quan khi Dự thảo Quy hoạch điện VIII tháng 12/2022 nâng cao vai trò điện Năng lượng tái tạo. Ngoài ra, mảng bất động sản & khai thác khoáng sản cũng hứa hẹn tiềm năng trong tương lai.
IDI	12,15	13,0	14,0	9,7	7,00%	Thị trường Trung Quốc – Hong Kong chiếm hơn 40% tổng doanh thu xuất khẩu trong 2 năm gần nhất của IDI, vì vậy chúng tôi kỳ vọng với việc Trung Quốc gỡ bỏ chính sách ZeroCovid - mở cửa nền kinh tế, doanh thu của IDI sẽ tăng trưởng tích cực hơn trong thời gian tới. Ngoài ra, dự án nhà máy chế biến số 3 chuẩn bị đi vào thi công giúp nâng tổng công suất lên mức 900 tấn cá nguyên liệu/ngày nhằm đáp ứng nhu cầu ước tính cho giai đoạn 2023-2025.
GVR	14,85	16,0	n/a	13	7,74%	Giá cao su thiên nhiên thế giới năm 2023 có tín hiệu tích cực và dự báo duy trì đà tăng trong suốt 6 tháng đầu năm do cung cầu thuận lợi. Triển vọng nửa cuối năm cũng được hỗ trợ bởi việc Trung Quốc dỡ bỏ hạn chế Covid và mở cửa trở lại.
VNM	79,3	87,0	90,0	72	9,71%	Triển vọng từ các dự án đang được triển khai sẽ đem lại nguồn doanh thu cho VNM. Một số dự án trang trại của VNM đang được triển khai sẽ là động lực tăng trưởng chính trong thời gian tới như: Dự án nhà máy sữa tại Hưng Yên; Dự án tổ hợp Thiên đường sữa Mộc Châu; Dự án tổ hợp trang trại bò sữa tại Lào...
FPT	80	90,0	93,0	75	12,50%	Doanh thu từ thị trường nước ngoài dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định. Doanh nghiệp có vị thế tiền ròng lớn và tỷ lệ thanh toán lãi vay cao. Các khoản nợ nước ngoài đều đã được phòng ngừa rủi ro đầy đủ. Hưởng lợi từ môi trường lãi suất cao và ít chịu tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế.
PVD	19.15	22.0	23.0	17.7	14.88%	Thị trường giàn khoan phát đi những tín hiệu lạc quan. Các giàn khoan của PVD Drilling đều đã có việc làm cho năm 2023 và dự kiến hiệu suất sử dụng giàn cũng như đơn giá cho thuê sẽ tăng lên trong năm 2023. Triển vọng khả quan khi các dự án lớn của ngành như Lô B-Ô Môn, Cá Voi Xanh...được kỳ vọng thúc đẩy tiến độ triển khai trong bối cảnh giá dầu vẫn “neo” ở mức cao.



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Để được hỗ trợ tư vấn và nhận các thông tin khuyến nghị, báo cáo thường xuyên, kịp thời, tải ABS Invest ngay tại



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest



Tham gia room tư vấn miễn
phí trên Zalo của ABS

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Nguyễn Thị Thùy Linh – Giám đốc Trung tâm Phân tích

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Điện thoại: (+84 - 24) 3562 4626 Số máy lẻ: 151

www.abs.vn



Thank you!